

Bản án số: **290/2021/HS-ST**
Ngày 11-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG -THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Phương
Bà Hoàng Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 307/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 đối với:

Bị cáo Vũ Xuân G; sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã X, huyện T, tỉnh Đ; Nơi ở: không xác định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức V và con bà Đỗ Thị N; có vợ là Trần Thị D; có hai con: con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền sự: không; tiền án: không.

* Nhân thân: Ngày 20/11/2012, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma Ty, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2014, đã nộp án phí (đã xóa án tích).

Danh chỉ bản số 317 lập ngày 20/6/2021 tại Công an quận Hai Bà Trưng. Bị cáo bị bắt truy nã ngày 19/6/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh T; nơi ở: số 5 ngõ 107 Phố L, quận M, thành phố N; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Nguyễn Văn C; sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: xóm 7, xã T, huyện K, tỉnh N; Chỗ ở: số 28 ngõ 42 Phố V, phường T, quận H, thành phố N; xin vắng mặt.

+ Chị Vũ Thị Thu H; sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú và nơi ở: xóm 6, xã X, huyện T, tỉnh Đ; nơi ở: thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Đ; có mặt.

+ Anh Trần Thiện T; sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú và nơi ở số 18 ngõ 62 Phố Đ, phường T, quận H, thành phố N; xin vắng mặt.

+ Chị Phan Thị T; sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú và nơi ở: thôn C, xã T, huyện K, tỉnh H; xin vắng mặt.

+ Anh Phạm Đình N; sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Tổ 39 phường K, quận X, thành phố N; nơi ở: số 40 hẻm ngõ 207/77/45 Phố B, phường K, quận X, thành phố N; xin vắng mặt.

+ Anh Ngô Vi T; sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú và nơi ở: số 107 Phố L, phường C, quận Đ, thành phố N; xin vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Phạm Thị K; sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Xóm 7, xã T, huyện K, tỉnh N; Chỗ ở: số 28 ngõ 42 Phố V, phường T, quận H, thành phố N; có mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác có:*

+ Ông Nguyễn Đ P - Phó trưởng Công an phường T, quận H, thành phố N; có mặt.

+ Ông Vũ Anh T - Cảnh sát Hình sự Công an phường T, quận H, thành phố N; có mặt.

+ Ông Nguyễn Xuân T - Cảnh sát Hình sự Công an phường T, quận H, thành phố N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/3/2019, Công an phường T, quận H, thành phố N tiếp nhận đơn trình báo của chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1986, HKTT: thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh T; Chỗ ở: số 5 ngõ 107 Phố L, quận M, thành phố N) về việc khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, chị H đến Phòng giao dịch - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Techcombank) có địa chỉ tại số 316 Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng để chuyển tiền từ tài khoản Techcombank 19029096847016 của chị H thì phát hiện tài khoản của chị bị mất số tiền khoảng 112.000.000 đồng. Qua lịch sử giao dịch trong tài khoản do Ngân hàng cung cấp, số tiền trên đã bị rút qua giao dịch thẻ trên internet tại Viettel CT Viễn Thông Ttel. Chị H nghi ngờ Vũ Xuân G là người đã thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền trên của chị.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Xuân G khai nhận như sau: Do mối quan hệ tình cảm với nhau từ trước, khoảng 23 giờ 00 phút ngày 11/3/2019, Vũ Xuân G gặp Nguyễn Thị H tại đầu ngõ 331 Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Sau đó, G chở H đến đầu ngõ 42 phố V để thuê nhà nghỉ nhưng H không đồng ý. G nghi ngờ H có quan hệ tình cảm với người khác nên bảo H đưa điện thoại OPPO F5 Youth màu hồng của H để G kiểm tra. H đồng ý đưa điện thoại di động của H cho G kiểm tra. Do G kiểm tra điện thoại của H lâu quá nên H đã bỏ về trước, sau đó G thuê Phòng 501 Nhà nghỉ L tại số 28 ngõ 42 phố V, quận H, thành phố Hà Nội để ở.

Ngày 12/3/2019, G thấy tin nhắn trong điện thoại của H báo tài khoản Ngân hàng của H tăng thêm 160.000.000 đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của H. G mở ứng dụng Viettelpay Đ nhập bằng số điện thoại 0983856087 mang tên Vũ Xuân G trên điện thoại Iphone 5 của G, vào phần liên kết với tài khoản ngân hàng. Do thường xuyên rút tiền cho H nên G nhớ dãy số in trên thẻ Ngân hàng Techcombank của H là 97040788243319167. G nhập dãy số trên vào ứng dụng Viettelpay thì có tin nhắn mã OTP của Ngân hàng Techcombank gửi về điện thoại của H. G lấy mã OTP nhập vào ứng dụng Viettelpay của G thì ứng dụng Viettelpay của G báo liên kết thành công với tài khoản số 19029096847016 Techcombank của H.

Từ ngày 12/3/2019 đến ngày 21/3/2019, G đã nhiều lần chuyển tiền từ tài khoản 19029096847016 Techcombank của H sang tài khoản Viettelpay của G với tổng số tiền là 107.000.000 đồng, phí giao dịch là 313.500 đồng và ba lần chuyển tiền từ tài khoản Techcombank của H sang tài khoản Viettelpay khác (G không nhớ tài khoản nào) để nạp tiền chơi game với số tiền là 5.200.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Vũ Xuân G chiếm đoạt từ tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19029096847016 của chị Nguyễn Thị H là: 112.513.500 đồng.

Do không có chứng minh thư nhân dân nên G không rút được tiền từ tài khoản Viettelpay của mình. G đã nhờ anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1986; HKTT: xóm 7, xã T, huyện K, tỉnh N; Chỗ ở: số 28 ngõ 42 Phố V, phường T, quận H, thành phố N) là lễ tân Nhà nghỉ L, cho mượn thẻ ATM của anh C mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng BIDV), số thẻ: 9704180099329096, số tài khoản: 44010000630477, mật khẩu: 592159. Từ ngày 16/3/2019 đến ngày 21/3/2019, G nhiều lần chuyển tiền từ tài khoản Viettelpay của G vào tài khoản Ngân hàng BIDV của C với tổng số tiền là 70.000.000 đồng sau đó, G rút tiền để chi tiêu cá nhân.

Lời khai của anh Nguyễn Văn C phù hợp với lời khai của Vũ Xuân G. Đến ngày 21/3/2019, trong tài khoản Ngân hàng BIDV của anh C còn 5.073.600 đồng. Anh C đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.073.600 đồng cho cơ quan công an.

Ngày 14/3/2019, Vũ Xuân G còn chuyển tiền từ tài khoản Viettelpay của G đến tài khoản Ngân hàng Techcombank 19027644164027 của chị Vũ Thị Thu H (sinh năm 1994; HKTT và nơi ở: Xóm 6, xã X, huyện T, tỉnh Đ) là em gái của G số tiền 1.500.000 đồng. Tại cơ quan điều tra, chị H khai không biết số tiền trên là do hành vi vi phạm pháp luật của G mà có và chị đã tự nguyện giao nộp số tiền trên cho cơ quan công an.

Ngoài ra, G còn chuyển tiền từ tài khoản Viettelpay của G cho một số tài khoản ngân hàng khác nhưng G không nhớ cụ thể thời gian chuyển tiền, số tài khoản và số tiền bao nhiêu. Số tiền còn lại trong tài khoản Viettelpay của G là 2.663.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác định tài khoản Viettelpay Đ nhập bằng số điện thoại 0983856087 mang tên Vũ Xuân G có số tài khoản là 9704229218850605. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hai Bà Trưng đã yêu cầu Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank) cung cấp sao kê chi tiết quá trình giao dịch trong tài khoản MBBank có số tài khoản 9704229218850605 trong thời gian từ ngày 12/3/2019 đến ngày 21/3/2019. Kết quả: Tài khoản 9704229218850605 đã nhận số tiền 107.000.000 đồng và chuyển tiền cho các tài khoản ngân hàng sau:

- Ngày 14/3/2019, chuyển 4.000.000 đồng cho tài khoản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) 65505064 mang tên Trần Thiện T.

- Ngày 15/3/2019, chuyển 12.550.000 đồng cho tài khoản Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) 0021000448536 mang tên Nguyễn Hải Đ.

- Ngày 16/3/2019, chuyển 300.000 đồng cho tài khoản Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam (Viettinbank) 101006991592 mang tên Phan Thị T.

- Ngày 17/3/2019, chuyển 6.000.000 đồng cho tài khoản Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) 19032957471013 mang tên Phạm Đình N.

- Ngày 21/3/2019, chuyển 2.000.000 đồng cho tài khoản Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) 19030207713012 mang tên Nguyễn Thị Kim D.

- Ngày 21/3/2019, chuyển 1.500.000 đồng cho tài khoản Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) 19029905487018 mang tên Ngô Vi T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Hai Bà Trưng đã tiến hành xác minh chủ các tài khoản ngân hàng trên. Tại Cơ quan công an, anh Trần Thiện T (sinh năm 1989; HKTT và nơi ở: Số 18 ngõ 62 tổ 40 Phố Đ, phường T, quận H, thành phố N) khai: Anh T là em rể của Vũ Xuân G. Số tài khoản Ngân hàng VPBank 65505064 là của anh T. Ngày 14/3/2019, anh T có nhờ G

chuyển khoản số tiền 4.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của T. Sau đó một vài ngày, anh T đã trả G bằng tiền mặt số tiền trên. Việc anh T trả tiền cho G chỉ có anh T và G biết, ngoài ra không có ai chứng kiến. Anh T chỉ biết số tiền trên là của G, không biết do đâu mà G có số tiền đó. Anh T từ chối giao nộp số tiền 4.000.000 đồng trên.

Chị Phan Thị T (sinh năm 1995; HKTT và nơi ở: thôn C, xã T, huyện K, tỉnh H) khai: Chị Trang và Vũ Xuân G có quan hệ bạn bè xã hội. Số tài khoản Viettinbank 101006991592 là của chị T, chị sử dụng tài khoản trên để giao dịch thường xuyên nên không nhớ ngày 16/3/2019 đã nhận chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng từ G với số tiền 300.000 đồng. Chị T không biết do đâu mà G có số tiền đó. Hiện chị T chưa giao nộp lại số tiền 300.000 đồng trên.

Anh Phạm Đình N (sinh năm 1984; HKTT: Tổ 39 phường K, quận X, thành phố N; nơi ở: số 40 ngõ 207/77/45 Phố B, phường K, quận X, thành phố N) khai: Anh N và Vũ Xuân G là quan hệ bạn bè xã hội. Số tài khoản Ngân hàng Techcombank 19032957471013 là của anh N. Ngày 18/3/2019, anh N hai lần nhận chuyển tiền từ Vũ Xuân G vào tài khoản của anh: một lần là 1.000.000 đồng, một lần là 5.000.000 đồng. Số tiền 1.000.000 đồng là tiền Vũ Xuân G trả nợ cho N, do G đã vay N từ trước. Còn số tiền 5.000.000 đồng N đã rút ra và đưa tiền mặt cho G. Việc N trả tiền cho G chỉ có N và G biết, ngoài ra không có ai chứng kiến. Anh N chỉ biết số tiền trên là của G, không biết do đâu mà G có số tiền đó. Cơ quan điều tra đã yêu cầu anh N giao nộp lại số tiền 1.000.000 đồng, tuy nhiên, anh N đã từ chối giao nộp.

Anh Ngô Vi T (sinh năm 1980; HKTT và nơi ở: số 107 Phố L, phường C, quận Đ, thành phố N) khai: Số tài khoản Ngân hàng Techcombank 19029905487018 là của anh T. Ngày 21/3/2019, anh T có nhận số tiền 1.500.000 đồng được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của anh. Do thời gian đã lâu, anh T không nhớ ai đã chuyển cho anh số tiền trên. Sau khi biết số tiền trên là do hành vi vi phạm pháp luật mà có, anh T đã tự nguyện giao nộp 1.500.000 đồng cho cơ quan công an.

Đối với tài khoản Ngân hàng Vietcombank 0021000448536, quá trình điều tra xác định tài khoản trên mang tên Nguyễn Hải Đ (sinh năm 1999; HKTT: Số 5 ngõ 1 phố Y, tổ P, phường L, quận Đ, thành phố N). Đối với tài khoản Ngân hàng Techcombank 19030207713012, quá trình điều tra xác định tài khoản mang tên Nguyễn Thị Kim D (sinh năm 1989; HKTT: Thôn 4, xã N, huyện L, tỉnh N). Quá trình điều tra xác minh anh Đ và chị D hiện không có mặt tại địa phương, chưa xác định được ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Hai Bà Trưng đã ra quyết định tách phần tài liệu liên quan đến chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Hải Đ để tiếp tục điều tra làm rõ sau.

Cơ quan công an thu giữ của Vũ Xuân G tổng số tiền 19.500.000 đồng; 01 thẻ Ngân hàng BIDV có số 9704180099329096 mang tên Nguyễn Văn C;

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, IMEI: 013348009362516, đã qua sử dụng; 01 điện thoại OPPO F5 Youth, màu hồng, IMEI 1: 866468034475675, IMEI 2: 866468034475667, đã qua sử dụng. Ngoài ra, thu giữ của chị Nguyễn Thị H: 01 hộp vỏ đựng điện thoại nhãn hiệu OPPO F5 Youth, màu hồng, IMEI 1: 866468034475675, IMEI 2: 866468034475667. Thu giữ của anh Nguyễn Văn C: 01 điện thoại Nokia màu đen: Nokia-105 V1100.11-01-06-17.TA-1034© Nokia Language: MR.

Đối với số tiền thu giữ của Vũ Xuân G tại nhà nghỉ L có địa chỉ tại số 28 ngõ 42 phố V, phường T, quận H, thành phố N: Tại Cơ quan điều tra, G khai bị Công an phường T thu giữ số tiền 80.000.000 đồng, không phải 14.000.000 đồng như trong biên bản tạm giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hai Bà Trưng đã lấy lời khai của chị Phạm Thị K (sinh năm 1988; trú tại: số 28 ngõ 42 phố V, phường T, quận H, thành phố N) là người chứng kiến việc Công an phường thu giữ tại Nhà nghỉ L. Chị K khai: Chị là nhân viên lễ tân của Nhà nghỉ L. Chị có được chứng kiến quá trình Công an phường T kiểm tra tại phòng 501 Nhà nghỉ L, thu giữ của Vũ Xuân G 01 điện thoại di động màu hồng và số tiền 14.000.000 đồng. Cáo trạng xác định lời khai của Vũ Xuân G về việc bị thu giữ số tiền 80.000.000 đồng tại Nhà nghỉ L có địa chỉ tại số 28 ngõ 42 phố V, phường T, quận H, Hà Nội là không có căn cứ.

Đối với 01 chiếc điện thoại OPPO F5 Youth, màu hồng, IMEI 1: 866468034475675, IMEI 2: 866468034475667, đã qua sử dụng thu giữ của Vũ Xuân G và 01 vỏ hộp của chiếc điện thoại thu giữ của chị Nguyễn Thị H, quá trình điều tra xác định số tài sản trên thuộc sở hữu hợp pháp của chị H. Vì vậy, ngày 20/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Hai Bà Trưng đã trao trả cho chị H 01 chiếc điện thoại OPPO F5 Youth, màu hồng và 01 vỏ hộp điện thoại. Chị H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của anh Nguyễn Văn C, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh C, không liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản của Vũ Xuân G.

Đối với tổng số tiền 27.573.600 đồng thu giữ của Vũ Xuân G, Nguyễn Văn C, Ngô Vi T và Vũ Thị Thu H: quá trình điều tra xác định đây là số tiền G có được do sử dụng phương tiện điện tử chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H. Vì vậy, ngày 17/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hai Bà Trưng đã trao trả lại số tiền trên cho chị Nguyễn Thị H. Chị H đã nhận lại số tiền 27.573.600 đồng và yêu cầu Vũ Xuân G khắc phục thiệt hại về tài sản cho chị H với số tiền là 54.939.900 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 262/CT-VKSHBT-HS ngày 05/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng đã truy tố Vũ Xuân G về “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Xuân G khai đã sử dụng điện thoại có kết nối mạng viễn thông và internet để thực hiện việc liên kết tài khoản Viettelpay đăng nhập bằng số điện thoại 0983856087 mang tên Vũ Xuân G với tài khoản số 19029096847016 mở tại Ngân hàng Techcombank của chị Nguyễn Thị H. Từ ngày 12/3/2019 đến ngày 21/3/2019, bị cáo đã nhiều lần chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng Techcombank của chị H sang tài khoản Viettelpay của G tổng số tiền là 107.000.000 đồng, phí giao dịch là 313.500 đồng và ba lần chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng Techcombank của H sang tài khoản Viettelpay khác (G không nhớ tài khoản nào) để nạp tiền chơi game với số tiền là 5.200.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt từ tài khoản Ngân hàng Techcombank của H là 112.513.500 đồng. Sau đó G chuyển tiếp tiền từ tài khoản Viettelpay sang tài khoản thẻ Ngân hàng BIDV mượn của anh Nguyễn Văn C để rút tiền mặt, chuyển tiền cho các tài khoản ngân hàng khác để thanh toán, chi tiêu cá nhân đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Đối với số tiền thu giữ của bị cáo tại Nhà nghỉ L, tại phiên tòa, bị cáo khai bị Công an phường T thu giữ 14.000.000 đồng, đúng như trong biên bản tạm giữ mà không phải là 80.000.000 đồng như bị cáo đã khai trong quá trình điều tra. Lý do bị cáo khai tại cơ quan điều tra bị thu giữ số tiền 80.000.000 đồng là do bị cáo nhớ nhầm. Bị cáo thừa nhận nội dung, tội danh Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa, bị hại chị Nguyễn Thị H khai: Chị xác định tổng số tiền trong tài khoản số 19029096847016 Ngân hàng Techcombank của chị bị G chiếm đoạt là 112.513.500 đồng. Chị đã nhận được 57.573.600 đồng, trong đó nhận 30.000.000 đồng do gia đình G khắc phục và nhận 27.573.600 đồng từ cơ quan điều tra. Số tiền còn lại 54.939.900 đồng, chị đã được các cơ quan tiến hành tố tụng giải thích có quyền được đòi bị cáo phải bồi thường, nhưng do thấy hoàn cảnh gia đình G khó khăn, nên chị tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền trên. Chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với chiếc điện thoại OPPO, chị xác định do chị tự nguyện đưa cho G kiểm tra, quá trình điều tra chị đã được nhận lại, nên chị không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Công an phường T: Ngày 22/3/2019, Công an phường T tiến hành kiểm tra phòng 501 Nhà nghỉ L, tạm giữ của Vũ Xuân G 01 điện thoại di động màu hồng và số tiền là 14.000.000 đồng như thể hiện trong biên bản tạm giữ. Quá trình kiểm tra, tạm giữ có sự chứng kiến của chị Phạm Thị K là nhân viên Nhà nghỉ L. Không có việc Công an phường T thu giữ số tiền 80.000.000 đồng như G đã khai tại cơ quan điều tra.

Người làm chứng chị Phạm Thị K khai: Chị là nhân viên Nhà nghỉ L. Ngày 22/3/2019, chị được chứng kiến quá trình Công an phường T kiểm tra tại phòng 501 Nhà nghỉ L, thu giữ của Vũ Xuân G 01 điện thoại di động màu hồng và số tiền là 14.000.000 đồng. Việc thu giữ có lập biên bản và chị có ký chứng

kiến vào biên bản này.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: anh Trần Thiện T, chị Phan Thị T, anh Phạm Đình N, anh Ngô Vi T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa ngày 27/10/2021, Hội đồng xét xử quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng để làm rõ các nội dung liên quan đến việc xác định số tiền bị cáo Vũ Xuân G bị cơ quan công an thu giữ tại Nhà nghỉ L là 14.000.000 đồng hay 80.000.000 đồng. Tại Công văn số 189/CV/VKS-HS ngày 27/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng có quan điểm giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo. Tại phiên tòa ngày 11/11/2021, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Vũ Xuân G và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 290, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Xuân G với mức án từ 42 tháng đến 48 tháng tù; Hình phạt bổ sung: không áp dụng do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập;

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại chị Nguyễn Thị H tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 54.939.900 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung Ngân sách nhà nước chiếc điện thoại Iphone 5 đã thu giữ của bị cáo; trả lại anh Nguyễn Văn C 01 điện thoại Nokia và 01 thẻ Ngân hàng BIDV mang tên anh Nguyễn Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với số tiền Công an phường T thu giữ của bị cáo Vũ Xuân G tại Nhà nghỉ L, địa chỉ số 28 ngõ 42 Phố V, phường T, quận H, thành phố Hà Nội: Tại phiên tòa, Vũ Xuân G khai Công an phường T thu giữ của bị cáo số tiền 14.000.000 đồng, đúng như trong biên bản tạm giữ mà không phải là 80.000.000

đồng như bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra. Lý do bị cáo khai bị thu giữ số tiền 80.000.000 đồng là do bị cáo nhớ nhầm. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, chị Phạm Thị K khai: chị là nhân viên Nhà nghỉ L, chị có được chứng kiến quá trình cơ quan công an kiểm tra tại phòng 501 Nhà nghỉ L, thu giữ của Vũ Xuân G 01 điện thoại di động màu hồng và số tiền 14.000.000 đồng. Xét thấy lời khai của bị cáo Vũ Xuân G tại phiên tòa về việc bị tạm giữ số tiền 14.000.000 tại Nhà nghỉ L là phù hợp với biên bản tạm giữ ngày 22/3/2019 và phù hợp với lời khai của chị Phạm Thị K là người chứng kiến việc tạm giữ. Do đó, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra về việc bị thu giữ số tiền 80.000.000 đồng tại Nhà nghỉ L là không có căn cứ.

Xét lời khai của bị cáo Vũ Xuân G về hành vi sử dụng phương tiện điện tử, mạng viễn thông và thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng để chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng của chị Nguyễn Thị H đúng với nội dung bản Cáo trạng, thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 12/3/2019 đến ngày 21/3/2019, tại Nhà nghỉ L, số 28 ngõ 42 phố V, phường T, quận H, thành phố N, Vũ Xuân G có hành vi sử dụng điện thoại kết nối mạng viễn thông, internet để liên kết ứng dụng thanh toán di động Viettelpay, đăng nhập bằng số điện thoại 0983856087 mang tên Vũ Xuân G với tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19029096847016 của chị Nguyễn Thị H. G thực hiện liên kết bằng việc sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ Ngân hàng của chị H nhập vào phần liên kết tài khoản ngân hàng trên ứng dụng Viettelpay. Sau khi có tin nhắn báo mã OTP của Ngân hàng Techcombank gửi về điện thoại của chị H, G lấy mã OTP nhập vào ứng dụng Viettelpay thì ứng dụng Viettelpay của G báo liên kết thành công với tài khoản ngân hàng của chị H. G biết sau khi liên kết tài khoản Ngân hàng thành công, G có thể thực hiện việc nạp tiền, chuyển tiền, thanh toán qua ứng dụng Viettelpay. Từ ngày 12/3/2019 đến ngày 21/3/2019, G đã nhiều lần tự ý chuyển tiền từ tài khoản 19029096847016 Ngân hàng Techcombank của chị H sang tài khoản Viettelpay của G với tổng số tiền là 107.000.000 đồng, phí giao dịch là 313.500 đồng và ba lần chuyển tiền từ tài khoản Techcombank của chị H sang tài khoản Viettelpay khác (G không nhớ tài khoản nào) để nạp tiền chơi game với số tiền là 5.200.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Vũ Xuân G chiếm đoạt từ tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19029096847016 của chị Nguyễn Thị H là 112.513.500 đồng (Một trăm mười hai triệu năm trăm mười ba triệu năm trăm đồng).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm sự an toàn của mạng viễn thông, hoạt động ngân hàng và xâm phạm quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo nhiều lần thực hiện việc chiếm đoạt

tiền với tổng số tiền chiếm đoạt là 112.513.500 đồng. Như vậy, hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo bản Cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo theo điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Xuân G không có tiền sự, nhưng có một tiền án năm 2012 đã xóa án tích về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Điều này thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học để khắc phục sửa chữa mà lại tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này, bị cáo nhiều lần thực hiện việc chiếm đoạt với tổng số tiền chiếm đoạt là 112.513.500 đồng, đây là các tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b và điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo lại bỏ trốn và bị bắt truy nã vào ngày 19/6/2021. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội, khách thể xâm phạm, lỗi và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và bảo đảm công tác đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên quyết định áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 290 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thấy bị cáo không có nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên toà chị Nguyễn Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 54.939.900 đồng. Xét thấy chị H đã được giải thích về quyền yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã bị chiếm đoạt, nhưng tại phiên toà chị không yêu cầu bị cáo G phải bồi thường số tiền nêu trên. Đây là sự tự nguyện của bị hại và phù hợp với quy định tại Điều 194 Bộ luật dân sự, nên Tòa án ghi nhận.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: anh Nguyễn Văn C, anh Ngô Vi T và chị Vũ Thị Thu H đã giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền mà bị cáo G chuyển vào tài khoản của họ để trả lại cho bị hại và không có yêu cầu gì khác. Quá trình điều tra xác định anh C, anh T và chị H không biết

số tiền G chuyển vào tài khoản của họ là do G chiếm đoạt mà có nên cơ quan điều tra không xử lý họ là có cơ sở.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: anh Trần Thiện T, chị Phan Thị T, anh Phạm Đình N không giao nộp lại số tiền G đã chuyển vào tài khoản của họ. Quá trình điều tra xác định họ không biết số tiền G chuyển vào tài khoản của họ là do chiếm đoạt mà có nên cơ quan điều tra không xử lý họ là có cơ sở.

Đối với anh Nguyễn Hải Đ và chị Nguyễn Thị Kim D quá trình điều tra xác định họ không có mặt ở địa phương, hiện không rõ ở đâu, nên cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hai Bà Trưng đã tách phần tài liệu liên quan đến Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Thị Kim D để tiếp tục điều tra làm rõ sau là có cơ sở.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5: Quá trình điều tra xác định là tài sản của G, G sử dụng chiếc điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với chiếc điện thoại Nokia: Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại là của anh Nguyễn Văn C, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho anh C.

- Đối với chiếc thẻ Ngân hàng BIDV số 970418009329096 mang tên Nguyễn Văn C: Quá trình điều tra xác định anh C không biết G mượn thẻ để chuyển và rút số tiền chiếm đoạt của người khác vào đó, nên trả lại cho anh C chiếc thẻ trên.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Xuân G phạm tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

2. Áp dụng: điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 290, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Vũ Xuân G 4 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2021.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 5 màu

trắng, IMEI: 013348009362516, đã qua sử dụng, không kiểm tra dữ liệu bên trong điện thoại.

- Trả lại anh Nguyễn Văn C 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen, số IMEI 1: 353408092233160, IMEI 2: 353407090811167 đã qua sử dụng, không kiểm tra dữ liệu bên trong điện thoại.

- Trả lại anh Nguyễn Văn C 01 (một) thẻ Ngân hàng BIDV có số 9704180099329096 mang tên Nguyễn Văn C.

Vật chứng trên hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận tang vật, vật chứng số 93/22 giữa Công an quận Hai Bà Trưng với Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Vũ Xuân G phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Vũ Xuân G, bị hại là chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: anh Nguyễn Văn C, anh Ngô Vi T, anh Trần Thiện T, chị Phan Thị T, anh Phạm Đình N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- VKSND TP Hà Nội;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- Công an quận Hai Bà Trưng;
- Trại tạm giam số 1 - Công an TP Hà Nội;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thủy